

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 471 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 04 TTHC

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
1	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ: 02 TTHC								
1	1.011647.H34	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày làm việc - Trường hợp hồ sơ phải thực hiện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: 65 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ	x	x	x
2	1.009478.000.00.00.H34	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: 150.000 đồng/giấy đăng ký	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006. - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	x	x	x

						- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.			
2	Lĩnh vực Nông nghiệp: 02 TTHC								
1	1.003371.000.00.00.H34	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ	x	x	x
2	1.003618.000.00.00.H34	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày (trước ngày 30/11 hàng năm)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Điều 25, Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ	x	x	x

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 01 TTHC

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Dịch vụ bưu chính
1	Lĩnh vực Nông nghiệp: 01 TTHC								
1	1.003605.000.00.00.H34	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày (trước ngày 30/11 hàng năm)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Điều 25, Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ	x	x	x

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 01 TTHC

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Dịch vụ bưu chính
1	Lĩnh vực Nông nghiệp: 01 TTHC								
1	1.003596.000.00.00.H3	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày (trước ngày 30/11 hàng năm)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	Điều 25, Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ	x	x	x

Tổng cộng: 06 thủ tục hành chính